

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 35 /2020/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 09 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
**BAN HÀNH QUY ĐỊNH VỀ XÁC ĐỊNH VÀ QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị Quyết số 108/NQ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Nghị định số 68/2019/NĐ-CP về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng Ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xây dựng và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu định mức, giá xây dựng và chỉ số giá xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 14/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định và quản lý chi số giá xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2020/TT-BXD ngày 20/7/2020 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Thông tư có liên quan đến chi phí đầu tư xây dựng;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 154/TTr-SXD ngày 08/10/2020 và Báo cáo thẩm định số 213/BC-STP ngày 24/8/2020 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30/10/2020; Quyết định này thay thế Quyết định số 1770/2016/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh “V/v ban hành quy định về xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”; Quyết định số 1737/QĐ-UBND ngày 24/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh “V/v quản lý và sử dụng chi phí dự phòng trong các dự án đầu tư xây dựng sử dụng ngân sách địa phương (ngân sách tỉnh, huyện, xã) trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”.

Điều 3. Giao Sở Xây dựng hướng dẫn, kiểm tra, quản lý việc thực hiện các quy định của Quyết định này.

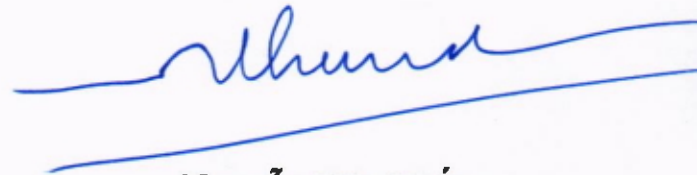
Điều 4. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Xây dựng (b/c);
- TT tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- TT truyền thông tỉnh;
- Lưu VT; XD4.

45b QĐ10-04

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thắng

**QUY ĐỊNH
XÁC ĐỊNH VÀ QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 35/2020/QĐ-UBND ngày 09/10/2020
của UBND tỉnh Quảng Ninh)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng, gồm: Sơ bộ tổng mức đầu tư xây dựng, tổng mức đầu tư xây dựng, dự toán xây dựng, giá gói thầu xây dựng, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, giá vật liệu xây dựng, đơn giá nhân công xây dựng, chỉ số giá xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thực hiện theo Khoản 1, Khoản 2, Điều 2, Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ (gọi tắt là Nghị định số 68/2019/NĐ-CP).

2. Khuyến khích các dự án đầu tư xây dựng sử dụng nguồn vốn khác không thuộc Khoản 1, Điều này vận dụng, áp dụng các quy định tại Quyết định này.

Điều 3. Nguyên tắc xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng

Nguyên tắc xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 68/2019/NĐ-CP.

**Chương II
SƠ BỘ TỔNG MỨC ĐẦU TƯ, TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG,
DỰ TOÁN XÂY DỰNG**

Điều 4. Sơ bộ tổng mức đầu tư, tổng mức đầu tư xây dựng

Nội dung sơ bộ tổng mức đầu tư xây dựng, tổng mức đầu tư xây dựng; phương pháp xác định sơ bộ tổng mức đầu tư, tổng mức đầu tư xây dựng; thẩm định và phê duyệt sơ bộ tổng mức đầu tư, tổng mức đầu tư xây dựng; điều chỉnh sơ bộ tổng mức đầu tư, tổng mức đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng (gọi tắt là Thông tư số 09/2019/TT-BXD) và Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 7 Điều 1 Thông tư số 02/2020/TT-BXD ngày 20/7/2019 của Bộ Xây dựng (gọi tắt là Thông tư số 02/2020/TT-BXD).

Điều 5. Dự toán xây dựng, dự toán gói thầu xây dựng

Nội dung dự toán xây dựng, dự toán gói thầu xây dựng; phương pháp xác định dự toán xây dựng, dự toán gói thầu xây dựng; thẩm định, thẩm tra và phê duyệt dự toán xây dựng; điều chỉnh dự toán xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13 Thông tư số 09/2019/TT-BXD, Khoản 4, Khoản 7, Điều 1 Thông tư số 02/2020/TT-BXD và nội dung mục 3 Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ (gọi tắt là Nghị quyết 108/NQ-CP).

Điều 6. Giá gói thầu xây dựng, chi phí dự phòng

1. Nội dung giá gói thầu xây dựng, sử dụng chi phí dự phòng thực hiện theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 09/2019/TT-BXD, Khoản 5, Khoản 6, Khoản 7, Điều 1 Thông tư số 02/2020/TT-BXD và nội dung mục 3 Nghị quyết số 108/NQ-CP.

2. Riêng đối với chi phí dự phòng do yếu tố phát sinh khối lượng trong các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách địa phương (ngân sách tỉnh, huyện, xã) được quy định quản lý như sau: Đối với các dự án có quy mô nhóm C trở xuống (trừ dự án có công trình từ cấp II trở lên) tỷ lệ chi phí dự phòng do yếu tố khối lượng phát sinh được lấy nhỏ hơn hoặc bằng (\leq) 5% tổng các khoản chi phí bồi thường, tái định cư, chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí khác đối với giai đoạn lập tổng mức đầu tư và nhỏ hơn hoặc bằng (\leq) 3% tổng chi phí xây dựng, thiết bị, chi phí quản lý dự án, tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí khác đối với giai đoạn lập dự toán xây dựng.

Chương III

ĐỊNH MỨC XÂY DỰNG, GIÁ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH VÀ CHỈ SỐ GIÁ XÂY DỰNG, CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN

Điều 7. Định mức xây dựng

1. Hệ thống, phương pháp lập định mức xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 09/2019/TT-BXD.

2. Về quản lý định mức thực hiện theo Điều 15 Nghị định số 68/2019/NĐ-CP, mục 2 Nghị quyết số 108/NQ-CP và Điều 17 Thông tư số 09/2019/TT-BXD, trong đó:

a. Trên cơ sở phương pháp xác định định mức của Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng có trách nhiệm thường xuyên tổ chức việc rà soát, xác định hoặc thuê tổ chức, cá nhân đủ năng lực để xác định, điều chỉnh, thẩm tra làm cơ sở ban hành định mức dự toán xây dựng cho các công việc đặc thù, chuyên ngành của tỉnh sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng, đồng thời gửi về Bộ Xây dựng để theo dõi, quản lý; việc ban hành bổ sung các định mức mới, định mức điều

chính cho các công việc đặc thù, chuyên ngành của tỉnh theo định kỳ 02 năm/lần. Kinh phí cho việc rà soát được bố trí từ nguồn ngân sách;

b. Đối với các công việc xây dựng chưa có trong hệ thống định mức dự toán xây dựng được ban hành:

Trường hợp có trong hệ thống định mức dự toán đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công bố trước thời điểm Nghị định số 68/2019/NĐ-CP có hiệu lực: Thực hiện theo điểm a, mục 2 Nghị quyết số 108/NQ-CP;

Trường hợp chưa có trong hệ thống định mức dự toán đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công bố trước thời điểm Nghị định số 68/2019/NĐ-CP có hiệu lực: Chủ đầu tư tổ chức xác định theo hướng dẫn tại Phụ lục 6, Phụ lục 7, Phụ lục 8 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2019/TT-BXD gửi về Sở Xây dựng thẩm định, ban hành các định mức này sau khi được Bộ Xây dựng thông nhất.

c. Đối với định mức dự toán đã có trong hệ thống định mức dự toán xây dựng được ban hành nhưng chưa phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, điều kiện thi công, biện pháp thi công của công trình: Chủ đầu tư tổ chức khảo sát, xây dựng, điều chỉnh định mức dự toán xây dựng công trình gửi về Sở Xây dựng thông nhất trước khi áp dụng.

d. Sở Xây dựng có trách nhiệm tổng hợp các kết quả xây dựng các định mức nêu trên và gửi về Bộ Xây dựng làm cơ sở quản lý.

3. Chủ đầu tư được thuê tổ chức tư vấn quản lý chi phí đủ điều kiện năng lực theo quy định tại Nghị định về quản lý dự án đầu tư xây dựng để lập, điều chỉnh, thẩm tra các định mức nêu trên. Chi phí cho việc tổ chức xây dựng định mức được tính vào tổng mức đầu tư của dự án.

Điều 8. Giá xây dựng công trình

1. Nội dung, phương pháp, quản lý giá xây dựng công trình thực hiện theo quy định tại Điều 18, Điều 19 Thông tư số 09/2019/TT-BXD.

2. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức lập hoặc thuê đơn vị tư vấn có đủ năng lực tổ chức lập, thẩm định, trình UBND tỉnh ban hành các bộ đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh. Kinh phí cho việc khảo sát, tính toán ban hành các bộ đơn giá xây dựng công trình được bố trí từ nguồn ngân sách.

Điều 9. Giá vật liệu xây dựng, cây xanh, vật tư, thiết bị công trình

1. Giá vật liệu xây dựng, cây xanh, vật tư, thiết bị công trình, giá thuê máy thiết bị thi công xây dựng được xác định trên cơ sở giá thị trường của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tại một thời điểm nhất định chưa có thuế giá trị gia tăng (VAT) hoặc các mức hao phí cần thiết được xác định phù hợp với tiêu chuẩn, chủng loại và chất lượng sử dụng cho từng công trình xây dựng cụ thể.

2. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hoặc thuê đơn vị tư vấn có đủ năng lực tổ chức xác định và công bố giá vật liệu xây dựng, cây xanh, vật tư, thiết bị công trình, giá thuê máy thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh theo định kỳ hàng quý (tháng thứ ba của quý), công bố bổ sung khi có sự biến động bất thường hoặc công bố bổ sung cho các dự án, công trình đối với danh mục vật liệu xây dựng, cây xanh, vật tư, thiết bị công trình, giá thuê máy thiết bị thi công xây dựng chưa có trong công bố định kỳ. Kinh phí thực hiện công bố giá vật liệu xây dựng, cây xanh, vật tư, thiết bị công trình được bố trí từ nguồn ngân sách. Cơ sở thông tin để công bố giá từ các nguồn sau:

a. Thông tin cung cấp của tổ chức, cá nhân có nhu cầu công bố vật liệu xây dựng, cây xanh, vật tư, thiết bị công trình, giá thuê máy thiết bị thi công xây dựng tại tỉnh Quảng Ninh hoặc các tỉnh thành lân cận.

b. Báo cáo tình hình giá thị trường của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

c. Thu thập thông tin giá thị trường từ chủ đầu tư các công trình xây dựng, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, cây xanh, vật tư, thiết bị công trình, giá thuê máy thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh; trang thông tin điện tử của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh mặt hàng đã được cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền định giá; tạp chí về giá thị trường, giá cả vật tư, và các nguồn thông tin khác.

3. Đối với những loại vật liệu xây dựng, cây xanh, vật tư, thiết bị công trình, giá thuê máy thiết bị thi công xây dựng chưa có trong công bố giá của Sở Xây dựng hoặc đã có nhưng chưa phù hợp với thời điểm, điều kiện cụ thể của công trình thì Chủ đầu tư tổ chức điều tra, khảo sát, gửi hồ sơ về Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với cơ quan liên quan xem xét, thống nhất, công bố bổ sung trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Hồ sơ đề nghị công bố bổ sung căn cứ vào: (i) Địa điểm, thời điểm, tiêu chuẩn chất lượng, xuất xứ vật liệu xây dựng, cây xanh, vật tư, thiết bị công trình cần cung ứng; (ii) Thông tin cung cấp của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, cây xanh, vật tư, thiết bị công trình; (iii) Chứng thư thẩm định giá của tổ chức có chức năng hợp pháp và các thông tin liên quan khác.

4. Chủ đầu tư căn cứ vào quy mô và địa điểm của công trình, địa điểm cung cấp, mục tiêu đầu tư, tính chất của công trình, yêu cầu thiết kế và quy định về quản lý chất lượng công trình để xem xét, lựa chọn loại vật liệu xây dựng, cây xanh, vật tư, thiết bị công trình thông dụng, thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng, phổ biến trên thị trường đảm bảo tiết kiệm chi phí, hiệu quả đầu tư và đáp ứng yêu cầu dự án.

5. Chủ đầu tư căn cứ hướng dẫn tại phụ lục 04, Thông tư số 09/2019/TT-BXD và các quy định hiện hành khác để tính toán giá vật liệu xây dựng, cây xanh, vật tư, thiết bị đến hiện trường công trình và chịu trách nhiệm theo quy định.

Điều 10. Đơn giá nhân công xây dựng

1. Nguyên tắc, nội dung, phương pháp, quản lý đơn giá nhân công xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Thông tư số 15/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng (gọi tắt là Thông tư số 15/2019/TT-BXD).

2. Giao Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức xác định hoặc thuê tư vấn có điều kiện năng lực khảo sát, thu thập thông tin, tham khảo khung đơn giá nhân công xây dựng bình quân do Bộ Xây dựng công bố để xác định, công bố đơn giá nhân công xây dựng định kỳ hàng quý, hàng năm hoặc khi có sự thay đổi về giá nhân công trên thị trường xây dựng theo quy định tại Thông tư số 15/2019/TT-BXD. Kinh phí cho việc khảo sát, tính toán công bố đơn giá nhân công được bố trí từ nguồn ngân sách.

3. Đối với các công trình xây dựng thuộc nhóm công tác cá biệt; các công tác xây dựng chưa có trong danh mục đã công bố đơn giá nhân công hoặc các công tác xây dựng đã có trong danh mục công bố nhưng chưa phù hợp với điều kiện thực tế của công trình cụ thể thì Chủ đầu tư và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng: Tổ chức khảo sát, xác định đơn giá nhân công xây dựng công trình, gửi về Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan thẩm định, công bố đơn giá nhân công xây dựng công trình cho phù hợp với mặt bằng giá nhân công thị trường của dự án, công trình theo quy định.

Điều 11. Giá ca máy và thiết bị thi công

1. Nội dung, phương pháp và quản lý giá ca máy và thiết bị thi công thực hiện theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Thông tư số 11/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng (gọi tắt là Thông tư số 11/2019/TT-BXD) và Khoản 1, Điều 3, Thông tư số 02/2020/TT-BXD.

2. Giao Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan xác định hoặc thuê tư vấn có năng lực chuyên môn thực hiện một phần hoặc toàn bộ công việc khảo sát thu thập số liệu, tính toán giá ca máy để xác định, công bố bảng giá ca máy và thiết bị thi công trên địa bàn tỉnh định kỳ hàng năm hoặc khi có sự thay đổi lớn về giá trên thị trường theo hướng dẫn tại Phụ lục 01, Thông tư số 11/2019/TT-BXD và Phụ lục 03, Thông tư số 02/2020/TT-BXD. Kinh phí cho việc rà soát được bố trí từ nguồn ngân sách.

3. Đối với giá ca máy và thiết bị thi công chưa được công bố hoặc đã công bố nhưng chưa phù hợp với điều kiện thực tế của công trình thì Chủ đầu tư tổ

chức xác định đơn giá ca máy và thiết bị thi công công trình theo hướng dẫn tại Phụ lục 01 Thông tư số 11/2019/TT-BXD và Phụ lục 03, Thông tư số 02/2020/TT-BXD của Bộ Xây dựng, gửi về Sở Xây dựng thẩm định, công bố để áp dụng cho dự án, công trình.

Điều 12. Chỉ số giá xây dựng

1. Nội dung, phân loại, phương pháp xác định và quản lý, công bố chỉ số giá xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 18, Nghị định số 68/2019/NĐ-CP và nội dung quy định tại Thông tư số 14/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng (gọi tắt là Thông tư số 14/2019/TT-BXD). Kinh phí cho việc rà soát được bố trí từ nguồn ngân sách.

2. Giao Sở Xây dựng tổ chức xác định hoặc thuê đơn vị tư vấn có năng lực chuyên môn xác định và công bố chỉ số giá xây dựng định kỳ hàng tháng, quý, năm và gửi về Bộ Xây dựng để theo dõi, quản lý. Kinh phí thực hiện việc xác định và công bố chỉ số giá xây dựng được bố trí từ nguồn ngân sách.

3. Đối với các công trình chưa có trong danh mục chỉ số giá xây dựng do Bộ Xây dựng ban hành hoặc do Sở Xây dựng công bố thì Chủ đầu tư căn cứ phương pháp xác định chỉ số giá xây dựng do Bộ Xây dựng hướng dẫn tại Phụ lục 01 Thông tư số 14/2019/TT-BXD để tổ chức xác định các chỉ số giá xây dựng và quyết định việc áp dụng cho công trình sau khi thỏa thuận với Bộ Xây dựng đối với công trình xây dựng trên địa bàn 02 tỉnh trở lên, hoặc với Sở Xây dựng đối với công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 13. Chi phí Quản lý dự án

Chi phí quản lý dự án được xác định theo nội dung hướng dẫn của Bộ Xây dựng tại Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng.

Điều 14. Cơ sở dữ liệu về định mức, giá xây dựng và chỉ số giá xây dựng

1. Việc cung cấp, thu thập, cập nhật, xử lý, lưu trữ, bảo quản, bảo mật thông tin, khai thác sử dụng cơ sở dữ liệu về định mức, giá xây dựng và chỉ số giá xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Thông tư số 12/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng.

2. Sở Xây dựng có trách nhiệm tham mưu, xây dựng quy chế cụ thể về nội dung này khi Bộ Xây dựng triển khai vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu về định mức, giá xây dựng và chỉ số giá xây dựng. Trong đó, Sở Xây dựng chủ trì thực hiện việc khảo sát thị trường, tổng hợp, cập nhật và kiểm soát hệ thống phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu về hệ thống định mức, giá xây dựng và chỉ số giá xây dựng theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng theo Khoản 2, Điều 5, Thông tư số 12/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng. Kinh phí cho việc thu thập, tổng hợp và cung cấp thông tin cho hệ thống cơ sở dữ liệu về định mức, giá xây dựng và chỉ số giá xây dựng được bố trí từ nguồn ngân sách.

3. Chủ đầu tư, các Ban quản lý dự án và các chủ thể có liên quan thực hiện các dự án sử dụng vốn nhà nước, dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) cung cấp thông tin về dữ liệu đấu thầu, dữ liệu quyết toán công trình, dự án cho cơ quan chuyên môn về Sở Xây dựng để cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu về định mức, giá xây dựng và chỉ số giá xây dựng.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

1. Sở Xây dựng:

a. Chủ trì phối hợp với các ngành liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh, gồm: Sơ bộ tổng mức đầu tư xây dựng, tổng mức đầu tư xây dựng, dự toán xây dựng, dự toán gói thầu xây dựng, định mức xây dựng, đơn giá xây dựng, chỉ số giá xây dựng, đơn giá nhân công xây dựng, giá vật liệu xây dựng, giá ca máy và thiết bị công trình, giá thuê máy thiết bị thi công xây dựng;

b. Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tính toán, xây dựng và trình UBND tỉnh ban hành các bộ đơn giá xây dựng công trình;

c. Chủ trì phối hợp với các ngành liên quan xây dựng và công bố giá vật liệu xây dựng, vật tư, thiết bị xây dựng, giá thuê máy thiết bị thi công xây dựng; đơn giá nhân công xây dựng công trình; chỉ số giá xây dựng; giá ca máy và thiết bị thi công;

d. Sở Xây dựng có trách nhiệm thường xuyên tổ chức việc rà soát, xác định hoặc thuê tổ chức, cá nhân đủ năng lực theo quy định để xác định, điều chỉnh, thẩm tra làm cơ sở ban hành định mức dự toán cho các công việc đặc thù, chuyên ngành của tỉnh sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng;

e. Chịu trách nhiệm thực hiện việc khảo sát thị trường, tổng hợp, cập nhật và kiểm soát hệ thống phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu về hệ thống định mức, giá xây dựng và chỉ số giá xây dựng;

f. Chịu trách nhiệm tham mưu cho UBND tỉnh và hướng dẫn các đơn vị liên quan về công tác xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

g. Thẩm định, thống nhất áp dụng định mức dự toán cho các công việc đặc thù chưa được Bộ Xây dựng công bố sau khi thống nhất với Bộ Xây dựng.

2. Các sở quản lý xây dựng chuyên ngành:

a. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các sở, ngành có liên quan hướng dẫn và giải quyết vướng mắc các vấn đề có liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng thuộc chuyên ngành quản lý;

b. Theo dõi, tổng hợp và báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định về các định mức xây dựng cho các công việc đặc thù trên địa bàn tỉnh thuộc chuyên ngành sở quản lý;

c. Tham gia, phối hợp với Sở Xây dựng xác định các đơn giá xây dựng chuyên ngành đặc thù trên địa bàn tỉnh; phối hợp xác định và công bố giá vật liệu xây dựng, vật tư, thiết bị công trình, giá thuê máy thiết bị thi công xây dựng khi có yêu cầu.

3. Sở Tài chính:

a. Phối hợp với Sở Xây dựng xác định và quản lý giá vật liệu xây dựng, vật tư, thiết bị công trình, giá thuê máy thiết bị thi công xây dựng, chỉ số giá xây dựng và hệ thống đơn giá xây dựng theo quy định;

b. Phối hợp với các sở quản lý xây dựng chuyên ngành hướng dẫn thực hiện các nội dung có liên quan đến lĩnh vực quản lý tại quy định này và giải quyết các vướng mắc có liên quan;

c. Hướng dẫn việc lập dự toán và bố trí nguồn vốn để thực hiện các nội dung có liên quan đến lĩnh vực quản lý về: Định mức, đơn giá xây dựng công trình; đơn giá nhân công; giá ca máy và thiết bị thi công; chỉ số giá xây dựng; giá vật liệu xây dựng, cây xanh, vật tư, thiết bị công trình; xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu về định mức, giá xây dựng và chỉ số giá xây dựng được quy định tại quyết định này.

4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

a. Phối hợp với Sở Xây dựng và các sở quản lý xây dựng chuyên ngành để xác định đơn giá nhân công xây dựng làm cơ sở quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

b. Phối hợp với Sở Xây dựng và các ngành liên quan hướng dẫn phương pháp điều chỉnh dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh trong trường hợp chế độ chính sách tiền lương của Nhà nước thay đổi;

c. Hướng dẫn và giải quyết vướng mắc các vấn đề có liên quan đến chế độ tiền lương của người lao động.

Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Phối hợp với Sở Xây dựng thực hiện việc xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

2. Tổ chức điều tra, khảo sát và báo cáo đơn giá nhân công xây dựng; giá vật liệu xây dựng, vật tư, thiết bị công trình, giá thuê máy thiết bị thi công xây dựng hàng quý trên địa bàn quản lý gửi về Sở Xây dựng trước ngày 15 tháng cuối của quý để tổng hợp, công bố theo quy định (hồ sơ kèm theo báo cáo, gồm: Tiêu chuẩn kỹ thuật, quy cách, chủng loại, nguồn gốc, vị trí cung ứng... của sản phẩm vật liệu xây dựng cần công bố).

3. Cung cấp các thông tin về dữ liệu về đấu thầu, quyết toán công trình, dự án về Sở Xây dựng để cập nhật vào cơ sở dữ liệu về định mức, giá xây dựng và chỉ số giá xây dựng.

Điều 17. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người quyết định đầu tư, chủ đầu tư

1. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người quyết định đầu tư, chủ đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 28, Điều 29 Nghị định số 68/2019/NĐ-CP.

2. Phối hợp với Sở Xây dựng thực hiện việc xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

3. Chủ đầu tư có trách nhiệm, nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin về đơn giá nhân công xây dựng trong hồ sơ công trình; cung cấp các thông tin về dữ liệu về đấu thầu, quyết toán công trình, dự án về Sở Xây dựng để cập nhật vào cơ sở dữ liệu về định mức, đơn giá nhân công, giá xây dựng và chỉ số giá xây dựng;

5. Thực hiện các nội dung quy định tại Quyết định này.

Điều 18. Trách nhiệm của các đơn vị sản xuất, cung ứng vật liệu xây dựng, vật tư, thiết bị xây dựng

1. Phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan trong việc điều tra, khảo sát giá vật liệu xây dựng, vật tư, thiết bị xây dựng, giá thuê máy thiết bị thi công xây dựng.

2. Chấp hành việc kê khai, đăng ký, bình ôn giá, niêm yết giá vật liệu xây dựng theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Trước ngày 15 tháng cuối của quý gửi quyết định giá bán sản phẩm (kèm theo tiêu chuẩn chất lượng, quy cách sản phẩm; chủng loại; vị trí cung ứng) về Sở Xây dựng để tổng hợp, công bố giá theo quy định.

4. Định kỳ 6 tháng gửi báo cáo tình hình sản xuất vật liệu xây dựng (khối lượng kế hoạch, khối lượng thực tế và các lần thay đổi giá bán sản phẩm) về Sở Xây dựng để theo dõi, quản lý.

Điều 19. Xử lý chuyển tiếp

Xử lý chuyển tiếp thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 68/2019/NĐ-CP, Nghị quyết 108/NQ-CP và quy định tại Điều 26 Thông tư số 09/2019/TT-BXD.

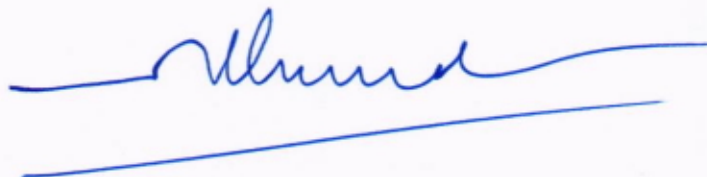
Điều 20. Điều khoản thi hành

1. Các nội dung khác liên quan đến xác định và quản lý chi phí chưa được quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số

68/2019/NĐ-CP, Nghị quyết 108/NQ-CP, Thông tư số 09/2019/TT-BXD và các quy định hiện hành khác.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề vướng mắc các sở, ngành, địa phương, các chủ đầu tư, nhà thầu có trách nhiệm phản ánh bằng văn bản về Sở Xây dựng và các sở có liên quan để tổng hợp đề xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./x

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thắng